

## Giải bài tập SGK Toán lớp 9 bài 7: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tiếp theo)

Giải bài tập Toán lớp 9 bài 7 tiếp theo

Giải bài tập SGK Toán lớp 9 bài 7: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tiếp theo) được VnDoc sưu tầm và đăng tải. Nhằm giúp các em học sinh nắm chắc kiến thức biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai. Với hướng dẫn chi tiết dưới đây sẽ giúp các em có thêm tài liệu tham khảo đối chiếu kết quả của mình, đồng thời đưa ra các cách giải nhanh, ngắn gọn, hiệu quả.

### Giải Toán 9 bài 7: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tiếp theo)

Bài 48 (trang 29 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 49 (trang 29 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 50 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 51 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 52 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

LUYỆN TẬP (trang 30 sgk Toán 9 Tập 1)

Bài 53 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 54 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 55 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 56 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Bài 57 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

### Bài tiếp theo

- Giải bài tập SGK Toán lớp 9 bài 8: Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai

|                                                                                     |                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đặt câu hỏi về học tập, giáo dục, giải bài tập của bạn tại chuyên mục Hỏi đáp của VnDoc |
| Hỏi - Đáp                                                                           | <b>Truy cập ngay: <a href="#">Hỏi - Đáp học tập</a></b>                                 |

### Bài 48 (trang 29 SGK Toán 9 Tập 1)

Khử mẫu của biểu thức lấy căn

$$\sqrt{\frac{1}{600}}; \sqrt{\frac{11}{540}}; \sqrt{\frac{3}{50}}; \sqrt{\frac{5}{98}}; \sqrt{\frac{(1-\sqrt{3})^2}{27}}$$

**Lời giải:**

(Ghi nhớ: Khử căn ở mẫu tức là nhân cả tử và mẫu với thừa số có chứa căn.)

- $\sqrt{\frac{1}{600}} = \frac{\sqrt{1}}{\sqrt{600}} = \frac{1}{\sqrt{6 \cdot 10^2}} = \frac{1 \cdot \sqrt{6}}{10\sqrt{6} \cdot \sqrt{6}} = \frac{\sqrt{6}}{60}$
- $\sqrt{\frac{11}{540}} = \frac{\sqrt{11}}{\sqrt{540}} = \frac{\sqrt{11}}{\sqrt{36 \cdot 15}} = \frac{\sqrt{11} \cdot \sqrt{15}}{6\sqrt{15} \cdot \sqrt{15}} = \frac{\sqrt{11 \cdot 15}}{6 \cdot 15} = \frac{\sqrt{165}}{90}$
- $\sqrt{\frac{3}{50}} = \frac{\sqrt{3}}{\sqrt{50}} = \frac{\sqrt{3}}{\sqrt{25 \cdot 2}} = \frac{\sqrt{3} \cdot \sqrt{2}}{5\sqrt{2} \cdot \sqrt{2}} = \frac{\sqrt{6}}{10}$
- $\sqrt{\frac{5}{98}} = \frac{\sqrt{5}}{\sqrt{98}} = \frac{\sqrt{5}}{\sqrt{49 \cdot 2}} = \frac{\sqrt{5} \cdot \sqrt{2}}{7\sqrt{2} \cdot \sqrt{2}} = \frac{\sqrt{10}}{14}$
- $\sqrt{\frac{(1-\sqrt{3})^2}{27}} = \frac{\sqrt{(1-\sqrt{3})^2}}{\sqrt{27}} = \frac{|1-\sqrt{3}|}{\sqrt{9 \cdot 3}} = \frac{(\sqrt{3}-1) \cdot \sqrt{3}}{3\sqrt{3} \cdot \sqrt{3}} = \frac{(\sqrt{3}-1) \cdot \sqrt{3}}{9} \quad (|1-\sqrt{3}| = \sqrt{3}-1 \text{ vì } \sqrt{3} > 1)$

### Bài 49 (trang 29 SGK Toán 9 Tập 1)

Khử mẫu của biểu thức lấy căn

$$ab \sqrt{\frac{a}{b}}; \frac{a}{b} \sqrt{\frac{b}{a}}; \sqrt{\frac{1}{b} + \frac{1}{b^2}}; \sqrt{\frac{9a^2}{36b}}; 3xy \sqrt{\frac{2}{xy}}$$

Lời giải:

- $ab \sqrt{\frac{a}{b}} = ab \sqrt{\frac{ab}{b^2}} = \frac{ab}{|b|} \sqrt{ab} = \begin{cases} a\sqrt{ab} & \text{nếu } b > 0 \\ -a\sqrt{ab} & \text{nếu } b < 0 \end{cases}$
- $\frac{a}{b} \sqrt{\frac{b}{a}} = \frac{a}{b} \sqrt{\frac{ab}{a^2}} = \frac{a}{b|a|} \sqrt{ab} = \begin{cases} \frac{\sqrt{ab}}{b} & \text{nếu } a > 0; b > 0 \\ -\frac{\sqrt{ab}}{b} & \text{nếu } a < 0; b < 0 \end{cases}$
- $\sqrt{\frac{9a^2}{36b}} = \frac{\sqrt{a^2 \cdot a \cdot b}}{\sqrt{4 \cdot b \cdot b}} = \frac{|a|}{2b} \sqrt{ab} = \begin{cases} \frac{a}{2b} \sqrt{ab} & \text{nếu } a \cdot b > 0 \\ -\frac{a}{2b} \sqrt{ab} & \text{nếu } a \cdot b < 0 \end{cases}$
- $\sqrt{\frac{1}{b} + \frac{1}{b^2}} = \sqrt{\frac{b+1}{b^2}} = \frac{\sqrt{b+1}}{|b|} = \begin{cases} \frac{\sqrt{b+1}}{b} & \text{khi } b > 0 \\ -\frac{\sqrt{b+1}}{b} & \text{khi } -1 < b < 0 \end{cases}$
- $3xy \sqrt{\frac{2}{xy}} = 3 \sqrt{\frac{2(xy)^2}{xy}} = 3\sqrt{2xy}$

(do  $xy > 0$  (gt) nên đưa thừa số  $xy$  vào trong căn để khử mẫu)

### Bài 50 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Trục căn thức ở mẫu với giả thiết các biểu thức chữ đều có nghĩa

$$\frac{5}{\sqrt{10}}; \frac{5}{2\sqrt{5}}; \frac{1}{3\sqrt{20}}; \frac{2\sqrt{2}+2}{5\sqrt{2}}; \frac{y+b\sqrt{y}}{b\sqrt{y}}$$

Lời giải:

$$\frac{5}{\sqrt{10}} = \frac{5 \cdot \sqrt{10}}{\sqrt{10} \cdot \sqrt{10}} = \frac{5 \cdot \sqrt{10}}{10} = \frac{\sqrt{10}}{2}$$

$$\frac{1}{3\sqrt{20}} = \frac{1}{3\sqrt{2^2 \cdot 5}} = \frac{1}{3 \cdot 2\sqrt{5}} = \frac{1 \cdot \sqrt{5}}{6\sqrt{5} \cdot \sqrt{5}} = \frac{\sqrt{5}}{6 \cdot 5} = \frac{\sqrt{5}}{30}$$

$$\frac{5}{2\sqrt{5}} = \frac{5\sqrt{5}}{2 \cdot \sqrt{5} \cdot \sqrt{5}} = \frac{5 \cdot \sqrt{5}}{2 \cdot 5} = \frac{\sqrt{5}}{2}$$

$$\frac{2\sqrt{2} + 2}{5\sqrt{2}} = \frac{(2\sqrt{2} + 2)\sqrt{2}}{5\sqrt{2} \cdot \sqrt{2}} = \frac{2(\sqrt{2})^2 + 2\sqrt{2}}{5 \cdot 2} = \frac{4 + 2\sqrt{2}}{10} = \frac{2 + \sqrt{2}}{5}$$

Cách khác:

$$\frac{2\sqrt{2} + 2}{5\sqrt{2}} = \frac{2\sqrt{2} + (\sqrt{2})^2}{5\sqrt{2}} = \frac{(2 + \sqrt{2})\sqrt{2}}{5\sqrt{2}} = \frac{2 + \sqrt{2}}{5}$$

$$\frac{y + b\sqrt{y}}{b\sqrt{y}} = \frac{(y + b\sqrt{y})\sqrt{y}}{b\sqrt{y} \cdot \sqrt{y}} = \frac{y\sqrt{y} + by}{by} = \frac{\sqrt{y} + b}{b}$$

Hoặc

$$\frac{y + b\sqrt{y}}{b\sqrt{y}} = \frac{(\sqrt{y})^2 + b\sqrt{y}}{b\sqrt{y} \cdot \sqrt{y}} = \frac{\sqrt{y}(\sqrt{y} + b)}{b\sqrt{y}} = \frac{\sqrt{y} + b}{b}$$

### Bài 51 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Trục căn thức ở mẫu với giả thiết các biểu thức chữ đều có nghĩa

$$\frac{3}{\sqrt{3} + 1}; \frac{2}{\sqrt{3} - 1}; \frac{2 + \sqrt{3}}{2 - \sqrt{3}}; \frac{b}{3 + \sqrt{b}}; \frac{p}{2\sqrt{p} - 1}$$

Lời giải:

- $\frac{3}{\sqrt{3} + 1} = \frac{3(\sqrt{3} - 1)}{(\sqrt{3} + 1)(\sqrt{3} - 1)} = \frac{3(\sqrt{3} - 1)}{3 - 1} = \frac{3(\sqrt{3} - 1)}{2}$
- $\frac{2}{\sqrt{3} - 1} = \frac{2(\sqrt{3} + 1)}{(\sqrt{3} - 1)(\sqrt{3} + 1)} = \frac{2(\sqrt{3} + 1)}{3 - 1} = \sqrt{3} + 1$
- $\frac{2 + \sqrt{3}}{2 - \sqrt{3}} = \frac{(2 + \sqrt{3})(2 + \sqrt{3})}{(2 - \sqrt{3})(2 + \sqrt{3})} = \frac{4 + 4\sqrt{3} + 3}{2^2 - (\sqrt{3})^2} = 7 + 4\sqrt{3}$
- $\frac{b}{3 + \sqrt{b}} = \frac{b(3 - \sqrt{b})}{(3 + \sqrt{b})(3 - \sqrt{b})} = \frac{b(3 - \sqrt{b})}{3^2 - (\sqrt{b})^2} = \frac{b(3 - \sqrt{b})}{9 - b}$
- $\frac{p}{2\sqrt{p} - 1} = \frac{p(2\sqrt{p} + 1)}{(2\sqrt{p} - 1)(2\sqrt{p} + 1)} = \frac{p(2\sqrt{p} + 1)}{(2\sqrt{p})^2} = \frac{2p\sqrt{p} + p}{4p - 1}$

### Bài 52 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Trục căn thức ở mẫu với giả thiết các biểu thức chữ đều có nghĩa

$$\frac{2}{\sqrt{6} - \sqrt{5}}; \frac{3}{\sqrt{10} + \sqrt{7}}; \frac{1}{\sqrt{x} - \sqrt{y}}; \frac{2ab}{\sqrt{a} - \sqrt{b}}$$

Lời giải:

$$\begin{aligned}
& \bullet \frac{2}{\sqrt{6}-\sqrt{5}} = \frac{2(\sqrt{6}+\sqrt{5})}{(\sqrt{6}-\sqrt{5})(\sqrt{6}+\sqrt{5})} \\
& = \frac{2(\sqrt{6}+\sqrt{5})}{6-5} = 2(\sqrt{6}+\sqrt{5}) \\
& \bullet \frac{3}{\sqrt{10}+\sqrt{7}} = \frac{3(\sqrt{10}-\sqrt{7})}{(\sqrt{10}+\sqrt{7})(\sqrt{10}-\sqrt{7})} \\
& = \frac{3(\sqrt{10}-\sqrt{7})}{10-7} = \sqrt{10}-\sqrt{7} \\
& \bullet \frac{1}{\sqrt{x}-\sqrt{y}} = \frac{1(\sqrt{x}+\sqrt{y})}{(\sqrt{x}-\sqrt{y})(\sqrt{x}+\sqrt{y})} \\
& = \frac{\sqrt{x}+\sqrt{y}}{x-y} \text{ (do } x \neq y \text{ nên } \sqrt{x} \neq \sqrt{y} \text{)} \\
& \bullet \frac{2ab}{\sqrt{a}-\sqrt{b}} = \frac{2ab(\sqrt{a}+\sqrt{b})}{(\sqrt{a}-\sqrt{b})(\sqrt{a}+\sqrt{b})} \\
& = \frac{2ab(\sqrt{a}+\sqrt{b})}{a-b} \text{ (do } a \neq b \text{ nên } \sqrt{a} \neq \sqrt{b} \text{)}
\end{aligned}$$

## LUYỆN TẬP (trang 30 sgk Toán 9 Tập 1)

### Bài 53 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Rút gọn các biểu thức sau (giả thiết biểu thức chữ đều có nghĩa):

$$\begin{aligned}
& \text{a) } \sqrt{18(\sqrt{2}-\sqrt{3})^2} & \text{b) } ab\sqrt{1+\frac{1}{a^2b^2}} \\
& \text{c) } \sqrt{\frac{a}{b^3}+\frac{a}{b^4}} & \text{d) } \frac{a+\sqrt{ab}}{\sqrt{a}+\sqrt{b}}
\end{aligned}$$

Lời giải:

$$\begin{aligned}
& \text{a) } \sqrt{18(\sqrt{2}-\sqrt{3})^2} = |\sqrt{2}-\sqrt{3}| \cdot \sqrt{2 \cdot 9} \\
& = (\sqrt{3}-\sqrt{2}) \cdot \sqrt{2 \cdot 3^2} = 3 \cdot (\sqrt{3}-\sqrt{2}) \cdot \sqrt{2} = 3\sqrt{6}-4 \\
& \text{b) } ab\sqrt{1+\frac{1}{a^2b^2}} = ab\sqrt{\frac{1+a^2b^2}{a^2b^2}} = \frac{ab}{|ab|} \sqrt{1+a^2b^2} \\
& = \begin{cases} \sqrt{1+a^2b^2} & \text{nếu } ab > 0 \\ -\sqrt{1+a^2b^2} & \text{nếu } ab < 0 \end{cases} \\
& \text{c) } \sqrt{\frac{a}{b^3}+\frac{a}{b^4}} = \sqrt{\frac{a+ab}{b^4}} = \frac{1}{b^2} \sqrt{a+ab} \\
& \text{d) } \frac{a+\sqrt{ab}}{\sqrt{a}+\sqrt{b}} = \frac{(a+\sqrt{ab})(a-\sqrt{ab})}{(\sqrt{a}+\sqrt{b})(\sqrt{a}-\sqrt{b})} \\
& = \frac{a\sqrt{a}-a\sqrt{b}+a\sqrt{b}-b\sqrt{a}}{a-b} \\
& = \frac{a\sqrt{a}-b\sqrt{a}}{a-b} = \frac{(a-b)\sqrt{a}}{a-b} = \sqrt{a}
\end{aligned}$$

Cách khác:

$$\frac{a+\sqrt{ab}}{\sqrt{a}+\sqrt{b}} = \frac{(\sqrt{a})^2+\sqrt{a} \cdot \sqrt{b}}{\sqrt{a}+\sqrt{b}} = \frac{\sqrt{a}(\sqrt{a}+\sqrt{b})}{\sqrt{a}+\sqrt{b}} = \sqrt{a}$$

### Bài 54 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Rút gọn biểu thức sau (giả thiết các biểu thức chữ đều có nghĩa):

$$\frac{2+\sqrt{2}}{1+\sqrt{2}}; \frac{\sqrt{15}-\sqrt{5}}{1-\sqrt{3}}; \frac{2\sqrt{3}-\sqrt{6}}{\sqrt{8}-2}; \frac{a-\sqrt{a}}{1-\sqrt{a}}; \frac{p-2\sqrt{p}}{\sqrt{p}-2}$$

**Lời giải:**

$$\bullet \frac{2+\sqrt{2}}{1+\sqrt{2}} = \frac{(\sqrt{2})^2 + \sqrt{2}}{1+\sqrt{2}} = \frac{\sqrt{2}(\sqrt{2}+1)}{1+\sqrt{2}} = \sqrt{2}$$

Cách khác:

$$\begin{aligned} \frac{2+\sqrt{2}}{1+\sqrt{2}} &= \frac{(2+\sqrt{2})(1-\sqrt{2})}{(1+\sqrt{2})(1-\sqrt{2})} \\ &= \frac{2-2\sqrt{2}+\sqrt{2}-(\sqrt{2})^2}{1-(\sqrt{2})^2} \\ &= \frac{2-\sqrt{2}-2}{1-2} = \frac{-\sqrt{2}}{-1} = \sqrt{2} \end{aligned}$$

**Nhận xét:** Cách làm thứ nhất (nhận dạng tử có thể phân tích thành nhân tử để rút gọn nhân tử đó với mẫu thích hợp hơn cách làm thứ hai (trục căn thức ở mẫu rồi thu gọn). Vì trục căn thức ở mẫu rồi rút gọn sẽ thêm nhiều phép nhân.

$$\begin{aligned} \bullet \frac{\sqrt{15}-\sqrt{5}}{1-\sqrt{3}} &= \frac{\sqrt{3 \cdot 5}-\sqrt{5}}{1-\sqrt{3}} = \frac{\sqrt{5}(\sqrt{3}-1)}{1-\sqrt{3}} = -\sqrt{5} \\ \bullet \frac{2\sqrt{3}-\sqrt{6}}{\sqrt{8}-2} &= \frac{\sqrt{2^2 \cdot 3}-\sqrt{6}}{\sqrt{4 \cdot 2}-2} = \frac{\sqrt{2} \cdot \sqrt{6}-\sqrt{6}}{2\sqrt{2}-2} = \frac{\sqrt{6}(\sqrt{2}-1)}{2(\sqrt{2}-1)} = \frac{\sqrt{6}}{2} \\ \bullet \frac{a-\sqrt{a}}{1-\sqrt{a}} &= \frac{(\sqrt{a})^2-\sqrt{a}}{1-\sqrt{a}} = \frac{\sqrt{a}(\sqrt{a}-1)}{1-\sqrt{a}} = -\sqrt{a} \\ \bullet \frac{p-2\sqrt{p}}{\sqrt{p}-2} &= \frac{(\sqrt{p})^2-2\sqrt{p}}{\sqrt{p}-2} = \frac{\sqrt{p}(\sqrt{p}-2)}{\sqrt{p}-2} = \sqrt{p} \end{aligned}$$

## Bài 55 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Phân tích thành nhân tử (với a, b, x, y là các số không âm)

a)  $ab + b\sqrt{a} + \sqrt{a} + 1$

b)  $\sqrt{x^3} - \sqrt{y^3} + \sqrt{x^2y} - \sqrt{xy^2}$

**Lời giải:**

$$ab + b\sqrt{a} + \sqrt{a} + 1$$

$$= b(\sqrt{a} + 1) + (\sqrt{a} + 1)$$

$$= (b+1)(\sqrt{a} + 1)$$

$$\sqrt{x^3} - \sqrt{y^3} + \sqrt{x^2y} - \sqrt{xy^2}$$

$$= \sqrt{x} \cdot \sqrt{x^2} - \sqrt{y} \cdot \sqrt{y^2} + \sqrt{x} \cdot \sqrt{xy} - \sqrt{y} \cdot \sqrt{xy}$$

$$= \sqrt{x}(\sqrt{x^2} - \sqrt{xy}) - \sqrt{y}(\sqrt{y^2} - \sqrt{xy})$$

$$= (\sqrt{x} - \sqrt{y})(\sqrt{x^2} - \sqrt{xy})$$

$$= (\sqrt{x} - \sqrt{y})\sqrt{x}(\sqrt{x} - \sqrt{y})$$

$$= (\sqrt{x} - \sqrt{y})^2 \sqrt{x}$$

$$= (\sqrt{x} - \sqrt{y})^2 \sqrt{x}$$

$$= (\sqrt{x} - \sqrt{y})^2 \sqrt{x}$$

$$= (\sqrt{x} - \sqrt{y})^2 \sqrt{x}$$

$$\begin{aligned}
& \text{b) } \sqrt{x^3} - \sqrt{y^3} + \sqrt{x^2y} - \sqrt{xy^2} \\
&= (\sqrt{x})^3 - (\sqrt{y})^3 + \sqrt{x^2y} - \sqrt{xy^2} \\
&= (\sqrt{x} - \sqrt{y})(\sqrt{x^2} + \sqrt{xy} + \sqrt{y^2}) + \sqrt{xy}(\sqrt{x} - \sqrt{y}) \\
&= (\sqrt{x} - \sqrt{y})(\sqrt{x^2} + 2\sqrt{xy} + \sqrt{y^2}) \\
&= (\sqrt{x} - \sqrt{y})[(\sqrt{x})^2 + 2\sqrt{xy} + (\sqrt{y})^2] \\
&= (\sqrt{x} - \sqrt{y})(\sqrt{x} + \sqrt{y})^2 \\
&= (\sqrt{x} - \sqrt{y})(\sqrt{x} + \sqrt{y})(\sqrt{x} + \sqrt{y}) \\
&= (x - y)(\sqrt{x} + \sqrt{y})
\end{aligned}$$

### Bài 56 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

Sắp xếp theo thứ tự tăng dần:

a)  $3\sqrt{5}, 2\sqrt{6}, \sqrt{29}, 4\sqrt{2}$ ;      b)  $6\sqrt{2}, \sqrt{38}, 3\sqrt{7}, 2\sqrt{14}$

Lời giải:

$$\begin{aligned}
\text{a) } 3\sqrt{5} &= \sqrt{3^2 \cdot 5} = \sqrt{9 \cdot 5} = \sqrt{45} \\
2\sqrt{6} &= \sqrt{2^2 \cdot 6} = \sqrt{4 \cdot 6} = \sqrt{24} \\
4\sqrt{2} &= \sqrt{4^2 \cdot 2} = \sqrt{16 \cdot 2} = \sqrt{32}
\end{aligned}$$

Vì

Nên ta sắp xếp được:  $2\sqrt{6} < \sqrt{29} < 4\sqrt{2} < 3\sqrt{5}$

$$\begin{aligned}
\text{b) } 6\sqrt{2} &= \sqrt{6^2 \cdot 2} = \sqrt{36 \cdot 2} = \sqrt{72} \\
3\sqrt{7} &= \sqrt{3^2 \cdot 7} = \sqrt{9 \cdot 7} = \sqrt{63} \\
2\sqrt{14} &= \sqrt{2^2 \cdot 14} = \sqrt{4 \cdot 14} = \sqrt{56}
\end{aligned}$$

Vì  $\sqrt{38} < \sqrt{56} < \sqrt{63} < \sqrt{72}$

Nên ta sắp xếp được:  $\sqrt{38} < 2\sqrt{14} < 3\sqrt{7} < 6\sqrt{2}$

### Bài 57 (trang 30 SGK Toán 9 Tập 1)

$\sqrt{25x} - \sqrt{16x} = 9$  khi x bằng

(A) 1; (B) 3; (C) 9; (D) 81

Hãy chọn câu trả lời đúng.

Lời giải:

- Chọn D

.....  
.....

Ngoài ra, VnDoc.com đã thành lập group chia sẻ tài liệu học tập THCS miễn phí trên Facebook: Tài liệu học tập lớp 9. Mời các bạn học sinh tham gia nhóm, để có thể nhận được những tài liệu mới nhất

Giải bài tập SGK Toán lớp 9 bài 7: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tiếp theo) được VnDoc chia sẻ trên đây. Hy vọng với tài liệu này sẽ giúp ích cho các em hệ thống lại những kiến thức đã học trong bài, định hướng phương pháp giải các bài tập cụ thể. Ngoài ra việc tham khảo tài liệu còn giúp các em học sinh rèn luyện và nâng cao kỹ năng giải bài tập. Chúc các em học tốt, nếu thấy hay các em chia sẻ cho bạn bè mình cùng tham khảo nhé

- Giải bài tập SGK Toán lớp 9 bài 6: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai

Như vậy VnDoc đã giới thiệu các bạn tài liệu Giải bài tập SGK Toán lớp 9 bài 7: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tiếp theo). Mời các bạn tham khảo thêm tài liệu: [Toán lớp 9](#), [Giải bài tập Toán lớp 9](#), [Tài liệu học tập lớp 9](#), ngoài ra

các bạn học sinh có thể tham khảo thêm [đề học kì 1 lớp 9](#) và [đề thi học kì 2 lớp 9](#) mới nhất được cập nhật.